

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 1503/CV-CCT ngày 15 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH TMDV Cảnh Cường Thịnh về việc chỉnh sửa, bổ sung các nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá vôi núi Thung Rói, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cảnh Cường Thịnh, địa chỉ trụ sở chính tại xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá vôi núi Thung Rói, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam” với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá vôi núi Thung Rói, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0700259819. Đăng ký lần đầu ngày 20/02/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15/01/2020 tại phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700259819.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích đất sử dụng của dự án khoảng 102.453 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: Công suất khai thác đá: 250.000 m<sup>3</sup>/năm đá nguyên khối; Công suất chế biến đá: 01 trạm nghiền sàng công suất 200 tấn/giờ, 01 trạm nghiền sàng công suất 150 tấn/giờ.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cảnh Cường Thịnh:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Cảnh Cường Thịnh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở

địa phương nêu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

*(Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).*

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh *(để báo cáo)*;
- UBND huyện Thanh Liêm;
- Công ty TNHH TMDV Cảnh Cường Thịnh *(để t/h)*;
- TT TTDL&PTQĐ *(đăng web)*;
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn, nghỉ ca công nhân.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước chung của khu vực tại xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải

Rãnh thoát nước chung của khu vực. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiếu  $3^0$ ) như sau:

+ Vị trí xả thải số 1: X = 2261503; Y = 592349.

+ Vị trí xả thải số 2: X = 2261485; Y = 592334.

2.3. Lưu lượng xả nước thải

- Dòng thải số 1 tương ứng với nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành: khoảng  $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

- Dòng thải số 2 tương ứng với nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà ăn, nghỉ ca công nhân: khoảng  $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ .

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức ra rãnh thoát nước chung của khu vực.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A,  $k=1,2$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9		
2	Nhu cầu oxy sinh hóa ( $\text{BOD}_5$ )	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		

4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	6		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn phát sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn sau đó theo đường ống về bể sinh học để xử lý.

- Nước thải nhà bếp, rửa tay chân khu vực nhà ăn, nhà nghỉ công nhân được xử lý sơ bộ tại bể tách dầu mỡ sau đó theo đường ống về bể sinh học để xử lý.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nhà điều hành công suất khoảng 0,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể sinh học → Bể chứa nước sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

+ Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khu vực nhà ăn, nhà nghỉ công nhân công suất khoảng 1,0 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại/bể tách dầu mỡ → Bể sinh học → Bể chứa nước sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất sử dụng: Clorin khô dạng viên nén, khối lượng khoảng 8-10 kg/năm (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

#### 1.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và áp dụng các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đã xây dựng của Công ty để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại bể chứa nước sau xử lý khu vực nhà điều hành mỏ.

- 01 vị trí tại bể chứa nước sau xử lý khu vực nhà ăn, nhà nghỉ công nhân.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Chủ dự án đầu tư phải lập, gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn tại khu vực trạm nghiền sàng số 1.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn tại khu vực trạm nghiền sàng số 2.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ )**

- Tiếng ồn tại khu vực trạm nghiền sàng số 1: Tọa độ: X(m) = 2261398; Y(m) = 592312.
- Tiếng ồn tại khu vực trạm nghiền sàng số 2: Tọa độ: X(m) = 2261392; Y(m) = 592319.

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Gia cố vững chắc các bộ máy, lắp đặt đệm cao su đối với các thiết bị có công suất lớn gây ra tiếng ồn, độ rung.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân ở những khu vực



có cường độ tiếng ồn cao;

- Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng:

TT	Tên CTNH	Mã chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Que hàn thải	07 04 01	15
2	Xi hàn thải	07 04 02	10
3	Mực in thải	08 02 01	3
4	Dầu thủy lực thải	17 01 06	100
5	Dầu động cơ, hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	50
6	Vỏ phuy sắt đựng dầu mỡ thải	18 01 02	80
7	Vỏ can nhựa dính dầu mỡ thải	18 01 03	50
8	Giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	60
9	Ấc quy chì thải	19 06 01	30
10	Vỏ bao nilon dính thuốc nổ	18 01 01	432
<b>Tổng</b>			<b>830</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Các loại xỉ, lớp, đầu mẩu sắt thép vụn, khoảng 300 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng: 700 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: tại các thùng, phuy.

- Kho lưu chứa

+ Diện tích kho: 27 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, kết cấu của kho: Tường của kho xây bằng gạch bê tông, trát xi măng cát trong và ngoài. Mái của kho bằng tôn, nền láng xi măng, đổ bê tông chống thấm. Bên ngoài kho có biển cảnh báo, bên trong kho có dán các mã CTNH tương ứng với từng loại CTNH.

## 2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: 03 thùng rác có nắp đậy dung tích 50 lít tại khu vực bếp ăn, văn phòng.

## 2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm VLXDĐT tại khu vực Thung Rói, xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đã được phê duyệt tại Quyết định số 64/QĐ-ST&MT ngày 26/04/2014 của sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam. Các nội dung chính Đề án cải tạo phục hồi môi trường của dự án được trình bày tóm tắt như sau:

*\* Khu vực sườn tầng và bờ đai an toàn*

Sau khi kết thúc khai thác tiến hành trồng cây Sanh xen kẽ cây Cỏ Lau ở sườn tầng. Hồ được đào với kích thước 0,3mx0,3mx0,3m. Mật độ trồng cây là 8,9m<sup>2</sup>/cây.

*\* Khu vực đáy mỏ sau khi kết thúc khai thác*

- Di chuyển các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác.
- Sử dụng máy khoan tạo các hố trên nền đáy mỏ, bổ sung đất màu, phân bón, để trồng cây. Hồ được đào với kích thước 0,3m x 0,3m x 0,3m để trồng cây Cỏ Lau, đào hố với kích thước 1,0m x 1,0m x 1,0m để trồng cây Keo. Trồng cây Keo xen kẽ Cỏ Lau với tỷ lệ 50:50. Mật độ trồng cây là 8 m<sup>2</sup>/cây.

*\* Khu vực đường mở mỏ*

- Thu dọn các loại đất, đá rơi vãi trên mặt đường.
- Đào các hố, bổ sung đất màu để trồng cây. Hồ được đào với kích thước 0,3mx0,3mx0,3m. Trồng cây Cỏ Lau với mật độ trồng cây là 8 m<sup>2</sup>/cây.

*\* Khu vực văn phòng và bãi chế biến*

- Tiến hành tháo dỡ các hạng mục công trình trên mặt bằng ra khỏi khu vực.
- Đào hố, phủ đất vào hố và trồng cây để trồng cây Keo lá tràm xen kẽ cây Cỏ Lau. Hồ được đào với kích thước 0,3m x 0,3m x 0,3m để trồng cây cỏ lau, đào hố với kích thước 1,0m x 1,0m x 1,0m để trồng cây Keo. Mật độ trồng cây là 8 m<sup>2</sup>/cây.

*\* Khu vực bị ảnh hưởng*

Đào các hố, bổ sung đất màu để trồng cây. Hố được đào với kích thước 0,3mx0,3mx0,3m. Trồng cây Cỏ Lau với mật độ trồng cây là 8 m<sup>2</sup>/cây.

Tổng kinh phí của Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án là: 2.291.660.692 đồng (*hai tỷ, hai trăm chín mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm chín mươi hai đồng*).

- Số tiền mỗi lần ký quỹ (*chưa bao gồm yếu tố trượt giá*): 92.757.695 đồng (*Chín mươi hai triệu bảy trăm năm bảy nghìn sáu trăm chín mươi lăm đồng*).

- Thời điểm ký quỹ: trong 7 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam.

Kế hoạch thực hiện:

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Thời gian hoàn thành</b>
<b>I</b>	<b>Khu vực khai thác</b>	
<b>1</b>	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây Sanh xen kẽ với cây Cỏ Lau ở sườn tầng vừa khai thác xong	- Thực hiện trong suốt quá trình thực hiện khai thác (sau khi để lại sườn tầng). - Tiếp tục chăm sóc cây trồng trong 2 năm sau khi kết thúc khai thác trước khi bàn giao lại cho địa phương quản lý.
<b>2</b>	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây khu vực đáy mỏ	Trồng cây trong vòng 1 năm sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 2 năm, sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.
<b>II</b>	<b>Khu vực đường mở mỏ</b>	
<b>1</b>	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây Sanh xen kẽ với cây Cỏ Lau ở sườn tầng vừa khai thác xong	Trồng cây trong vòng 1 năm sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 2 năm sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.
<b>III</b>	<b>Khu vực văn phòng và bãi chế biến</b>	
<b>1</b>	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây	Trồng cây trong vòng 1 năm sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 2 năm sau

2	Trồng cây Keo xen kẽ cây Cỏ Lau với tỷ lệ 50/50	đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.
3	Đặt biển báo, làm hàng rào thép gai	
<b>IV</b>	<b>Khu vực bị ảnh hưởng</b>	
1	Tạo hố, bổ sung đất màu để trồng cây Cỏ Lau trên mặt bằng khu vực	Trồng cây trong vòng 1 năm sau khi kết thúc khai thác, chăm sóc trong 2 năm sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.

### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

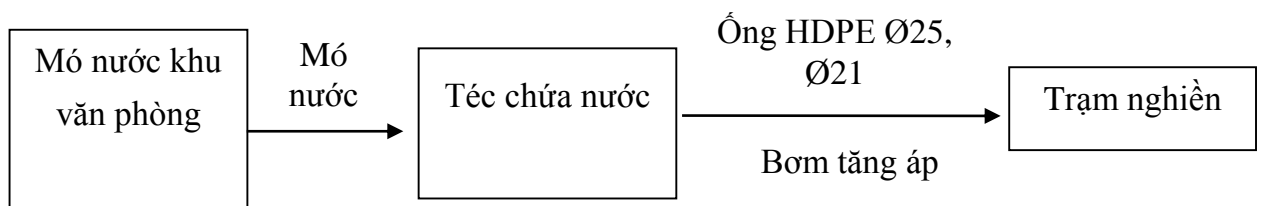
#### 1. Xử lý bụi tại khu vực trạm nghiền sàng

- Nguồn phát sinh: Bụi đất đá là bụi tro, có kích thước lớn, không chứa các hợp chất có tính độc phát sinh từ quá trình nghiền sàng.

- Vị trí phát sinh bụi: tại máy kẹp hàm, nghiền búa và các đầu rót băng tải sản phẩm.

- Phương thức phát sinh bụi: bụi phát sinh từ các vị trí máy kẹp hàm, nghiền búa, đầu rót băng tải tự phát thải ra môi trường.

- Công trình xử lý bụi:



- Tại trạm nghiền sàng số 1, công suất 200 tấn/giờ có 06 vị trí đập bụi như sau:

- + Đầu vào của máy kẹp hàm.
- + Đầu vào của máy nghiền búa.
- + 04 đầu rót băng tải sản phẩm.

Tổng chiều dài đường ống HDPE dẫn nước đập bụi tại trạm nghiền sàng số 1 là 150m.

- Tại trạm nghiền số 2, công suất 150 tấn/giờ có 04 vị trí đập bụi như sau:
- + Đầu vào của máy kẹp hàm.

+ Đầu vào của máy nghiền búa.

+ 02 đầu rót băng tải sản phẩm.

Tổng chiều dài đường ống HDPE dẫn nước dập bụi tại trạm nghiền sàng số 2 là 100m.

Tại các vị trí dập bụi, nước được phun vào dưới dạng phun sương.

- Thiết bị của hệ thống xử lý bụi phát sinh từ trạm nghiền sàng: 02 máy bơm tăng áp công suất 1,5 m<sup>3</sup>/h, đường ống HDPE (Ø25, Ø21).

- Nước cấp tưới phun dập bụi tại trạm nghiền sàng được bơm từ mỏ nước phía Đông bãi chế biến lên các téc chứa 10m<sup>3</sup> đặt tại khu vực nhà điều hành các trạm nghiền.

2. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

8. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.